

Bản án số: 473/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-4-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1502/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Nguyên Tú T, sinh năm 1973, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 5/34 đường T, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Phan V, sinh năm 1959, quốc tịch: Ca-na-đa.

Địa chỉ: Toronto Ontario M6B 2G7, Canada.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 và Bản tự khai ngày 11/01/2018, nguyên đơn là bà Mai Nguyên Tú T trình bày:

Bà và ông Phan V kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 20/9/2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 2411 quyển số 13 ngày 24/9/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu bà và ông Phan V chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bà và ông Phan V không còn hiểu được nhau, cùng với việc xa cách địa lý dẫn đến phát sinh nhiều xung đột. Bà và ông Phan V lại không có tiếng nói chung, thường hay cãi vã nên làm cho những mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài thêm nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan V.

Về con chung: Bà khai bà và ông Phan V không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai bà và ông Phan V không có tài sản chung và không có nợ chung.

Theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 17/01/2018, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ôt-ta-ôa, Ca-na-đa chứng nhận ngày 01/02/2018, bị đơn là ông Phan V trình bày:

Ông đã biết việc bà Mai Nguyên Tú T nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông và bà Mai Nguyên Tú T kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 20/9/2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 2411 quyển số 13 ngày 24/9/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, ông và bà Mai Nguyên Tú T phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông và bà Mai Nguyên Tú T sinh sống ở hai quốc gia khác nhau nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó ông cũng đồng ý ly hôn với bà Mai Nguyên Tú T.

Về con chung: Ông khai ông và bà Mai Nguyên Tú T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông khai ông và bà Mai Nguyên Tú T không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 07/11/2017, bà Mai Nguyên Tú T có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Mai Nguyên Tú T được ly hôn với ông Phan V. Do ông Phan V đang cư trú tại nước ngoài, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Mai Nguyên Tú T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Mai Nguyên Tú T có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn là ông Phan V cũng yêu cầu xin được vắng mặt tại toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 17/01/2018, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ôt-ta-ôa, Ca-na-đa chứng nhận ngày 01/02/2018, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều

227; Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 11/01/2018 của bà Mai Nguyên Tú T và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 17/01/2018 của ông Phan V, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Ôt-ta-ôa, Ca-na-đa chứng nhận ngày 01/02/2018, hai bên thống nhất thỏa thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Mai Nguyên Tú T được ly hôn với ông Phan V.

Về con chung: Bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đều khai không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Mai Nguyên Tú T là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Mai Nguyên Tú T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Mai Nguyên Tú T như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 20/9/2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 2411 quyển số 13 ngày 24/9/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung: Bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đều khai không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Nguyên Tú T và ông Phan V đều khai không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Nguyên Tú T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Mai Nguyên Tú T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048121 ngày 10/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Nguyên Tú T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Nguyên Tú T vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Mai Nguyên Tú T là 15 ngày, kể từ ngày bà Mai Nguyên Tú T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Phan V vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Phan V có ủy quyền cho bà Mai Nguyên Tú T nhận bản án thay ông Phan V nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Phan V là 01 tháng, kể từ ngày bà Mai Nguyên Tú T được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh

